2020 VCE Vietnamese First Language written examination report

General comments

In general, students achieved moderate results in the 2020 VCE Vietnamese First Language written examination. Most students were able to manage their time to attempt all questions. A small number of students achieved high scores in all three sections of the examination paper.

Students who achieved high scores demonstrated excellent skills in language application. They were able to analyse the reading texts, identify the key concepts, and effectively integrate main and supporting ideas in their writing. Their work demonstrated a well-structured response to the questions with competent vocabulary and correct grammar.

Students who did not score well did not show adequate preparation, especially for Section 2. Some did not show an understanding of the requirements of the tasks or did not have the required skills. Their work demonstrated few details or irrelevant information in responding to the questions. Others did not show adequate language skills.

Section 1

In this section, students were to listen to a text and answer a set of questions in responding to the listening text. In general, students demonstrated adequate preparation for their listening skills. Many students could get the needed information, however, did not read the questions carefully enough to have correct responses. General comments for this section:

* Many responses were neither well-structured nor included accurate grammar and punctuation.
* The majority of students answered Questions 1a., 1b. and 1d. well.
* Many responses to Questions 1c. and 1e. were not complete.
* Many students mistook *tin vắn* for *tin vắng* in Question 1c.
* Very few students answered all questions correctly.

Section 2

In this section, students were required to read two texts and use the information in those two texts to write a persuasive letter. The majority demonstrated understanding and applied the specifications of writing a letter well. However, very few students could identify all key ideas from the texts and convey them in persuasive writing.

Section 3

In this section, students were required to write a response to one of five questions. Question 6 was the most popular choice, followed by Question 4, and Question 3 was the least popular choice.

Specific information

This report provides sample answers or an indication of what answers may have included. Unless otherwise stated, these are not intended to be exemplary or complete responses

Section 1 – Listening and responding

The assessment criteria for this section were:

* the capacity to understand general and specific aspects of texts
* the capacity to convey information accurately and appropriately.

Text 1

Question 1a.

* Tác giả cảm thấy vui khi em học sinh đã nói về nghề báo bằng một giọng sôi nổi, thể hiện niềm đam mê với nghề báo. (The author may have felt happy when the student expressed her passion for journalism.)
* *Tác giả nghe em học sinh nói rằng nghề báo là một nghề cao quý.* (The author heard from the student that journalism is a noble profession.)
* Tác giả hoài nghi không biết em học sinh có thực sự hiểu hết về nghề báo hay không. (The author doubts whether the student really understands all about journalism.)
* Tác giả quan niệm mọi nghề nghiệp lương thiện nào cũng cao quý như nhau. (The author thinks that all honest careers are as noble.)

Question 1b.

* Kinh nghiệm và kiến thức mới là giá trị quyết định trong nghề làm báo (kiến thức tích lũy được qua nhiều năm kinh nghiệm khiến cho tuổi nghề là điều quan trọng trong nghề báo). (Journalists have to keep learning continuously to become knowledgeable in many fields.)
* *Nhà báo cần phải học hỏi liên tục để hiểu về nhiruf lãnh vực khác nhau.* (The knowledge accumulated through many years of experience make the age (of the journalist) an important factor in journalism.)

Question 1c.

* *Tác giả bắt đầu ưa thích nghề báo vì những tin vắn của các hãng tin quốc tế.* (He started to like journalism from/due to the brief news (items) issued by the international news agencies.)
* Những tin vắn này là thành quả công sức của biết bao người trong bộ máy của nó/một tập thể, chứ không chỉ của một người viết hay một phóng viên nào. (These brief news (items) are the result of an agency’s success which comes from the joint effort of many staff members, not just that of a single writer or reporter.)
* *Đừng nên để bộ máy đó bị lãng quên*. (That huge apparatus can be easily forgotten.)

Question 1d.

* TIN – là thông tin, thứ chúng ta phải cung cấp. (Information is what we need to provide.)
* TIN– là lòng tin, là thứ chúng ta đạt được. (Trust is what we must earn.)
* Hai điều này có mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau. Nếu không có thông tin, không thể đòi hỏi lòng tin. Nếu không có lòng tin, thông tin chỉ là trò hề vô nghĩa. (These two meanings have mutual dependence. If there’s no information, we cannot ask for trust. If there is no trust, information is just a piece of useless foolscap.)

Question 1e.

*Sự thật là gì?* (What is the truth?)

* Sự thật đôi khi là điều không dễ nắm bắt. (Sự thật có thể là một khái niệm trừu tượng, và những người tìm kiếm nó không phải bao giờ cũng gặp được nó.) (The truth can be an abstract concept, and truth seekers cannot always find it.)
* *Sự thật đôi khi nằm giữa nằm giữa hai luồng thông tin, hoặc giữa hai bản báo cáo của hai phe thắng bại.* (The truth is sometimes found between the two sides of the information or contained in the reports of both the winners and the defeated.)
* Sự thật, đôi khi là ranh giới mờ ảo mong manh. Sự thật nhiều lúc lầ thứ vẫn đang được tìm kiếm chứ không phải được khẳng định. (Truth is sometimes a dim and fuzzy line. Truth is something that is still being searched for, not totally confirmed.)

*Vai trò của sự thật trong nghề làm báo (*The role of truth in journalism)*:*

* *Khả năng theo đuổi để tìm ra sự thật sẽ tạo ra những nhà báo chính trực và biết hoài nghi.* (The ability to pursue the truth will produce journalists of complete integrity with critical minds.)
* *Tờ báo phải chính trực và có dũng khí.* (Journalism must start with a thirst to uncover the truth.)
* Nghề báo cũng khởi đầu từ niềm khao khát đạt đến sự thật.
* *Một nhà báo chân chính cần bắt đầu viết từ những điều nhỏ bé và chân thật. (*A truly ethical journalist needs to take the first steps in his job by writing something small and truthful.)

Section 2 – Reading and responding

The assessment criteria for this section were:

* the capacity to identify and synthesise relevant information and ideas from the texts
* appropriateness of structure and sequence
* accuracy, range and appropriateness of vocabulary and grammar (including punctuation and, where relevant, script).

Relevant information and ideas from Texts 2 and 3

*Những nét hay, nét đẹp của tiếng Việt cần được gìn giữ:*

* Học tiếng Việt thể hiện tình yêu quê hương:
* (Tiếng Việt giúp ta hiểu hơn những sinh hoạt thường ngày) ‘Khi hun thuyền, gieo mạ, lúc đưa nôi / Tiếng mưa dội ào ào trên mái cọ / Nón ai xa thăm thẳm ở bên trời’; với những hình ảnh và âm thanh gắn liền với khung cảnh thân thuộc, bình dị của làng quê Việt Nam: ‘Cánh đồng xa cò trắng rủ nhau về / Có con nghé trên lưng bùn ướt đẫm / Nghe xạc xào gió thổi giữa cau tre.’
* Tiếng Việt là ngôn ngữ mẹ đẻ thân thương với ta từ những lời ru của mẹ nên yêu và học tiếng Việt cũng như yêu mẹ yêu cha.
* Tiếng Việt gắn với lời cha mẹ, những người thân thương với mỗi chúng ta từ thuở lọt lòng và theo ta trong suốt cuộc đời.
* Tiếng mẹ gọi trong hoàng hôn khói sẫm
* Tiếng cha dặn khi vun cành nhóm lửa
* Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời, người ơi. Mẹ hiền ru những câu xa vời. À à ơi, tiếng ru muôn đời.
* Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói
* Học tiếng Việt vì đây là ngôn ngữ giàu, đẹp và độc đáo, là ngôn ngữ giàu âm thanh và nhạc điệu và hình tượng
* Tiếng Việt phát triển thành một ngôn ngữ phong phú và tuyệt đẹp, như chính đất nước Việt Nam.
* Ôi tiếng Việt như đất cày, như lụa / Óng tre ngà và mềm mại như tơ.”
* Tiếng tha thiết, nói thường nghe như hát
* Kể mọi điều bằng ríu rít âm thanh
* Như gió nước không thể nào nắm bắt
* Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh.
* Dấu hỏi dựng suốt ngàn đời lửa cháy
* Một tiếng vườn rợp bóng lá cành vươn
* Nghe mát lịm ở đầu môi tiếng suối
* Tiếng heo may gợi nhớ những con đường.

*Giá trị văn hóa, lịch sử gắn liền với tiếng Việt*

* Khi tiếng Việt được duy trì thì đây sẽ là sợi dây gắn kết người Việt dù ở bất kỳ nơi đâu trên thế giới, là sợi dây rang buộc người Việt tha hương.
* Tiếng Việt rung rinh nhịp đập trái tim người
* Như tiếng sáo như dây đàn máu nhỏ.
* Mỗi sớm dậy nghe bốn bề thân thiết
* Người qua đường chung tiếng Việt cùng tôi
* Như vị muối chung lòng biển mặn
* Như dòng sông thương mến chảy muôn đời.
* Ai phiêu bạt nơi chân trời góc biển
* Có gọi thầm tiếng Việt mỗi đêm khuya?”
* do hoàn cảnh đặc biệt của đất nước, tiếng Việt còn trở thành một sợi chỉ vô hình ràng buộc hàng triệu người Việt tha hương trên khắp thế giới.
* Học tiếng Việt vì tiếng Việt gắn liền với lịch sử các biến cố thăng trầm của quá trình dựng nước và giữ nước.
* *Tiếng Việt là phương tiện để* lưu giữ *và* truyền bá *lịch sử.*
* tiếng Việt, một gia tài vô giá, có lịch sử lâu đời gắn liền với bao nhiêu biến cố thăng trầm của quá trình dựng nước và giữ nước*:* Tiếng nước tôi/ Bốn nghìn năm ròng rã buồn vui. Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi, nước ơi …
* Đã biết bao nhiêu lần nước mất, nhà tan, kẻ xâm lược tìm trăm phương nghìn kế để đồng hoá, nhưng tiếng Việt vẫn mãi còn để viết lại những trang sử hào hùng, để lại những tác phẩm văn chương bất hủ …
* Dấu hỏi dựng suốt ngàn đời lửa cháy*.*
* Học tiếng Việt vì đây vốn là phương tiện để giao tiếp giữa người và người trong một nước, đã trở thành phương tiện để hình thành một dân tộc và thống nhất một quốc gia.
* Mỗi sớm dậy nghe bốn bề thân thiết
* Người qua đường chung tiếng Việt cùng tôi.
* Học tiếng Việt vì đây là ngôn ngữ đã làm nên những tác phẩm văn chương bất hủ.
* Ôi tiếng Việt suốt đời tôi mắc nợ
* Quên nỗi mình quên áo mặc cơm ăn
* Trời xanh quá môi tôi hồi hộp quá
* Tiếng Việt ơi tiếng Việt xót xa tình.”

Section 3 – Writing in Vietnamese

Question 3

Audience: Readers of the school magazine

Purpose: To evaluate advantages and disadvantages of an action

Kind of writing: Evaluative

Text type: Editorial

Structure:

* the editorial will include: title/topic, structure, content
* introduction, development of key ideas, and a short conclusion
* uses examples, explanations and some factual information as evidence
* chooses language, structure and sequence to make the ideas clear, so the sequencing of information is logical

Possible content may include evaluating Greta’s actions:

* Advantages:
* Greta has shown great courage and inner strength as a teenager.
* Her speech at the UN Climate Change Conference and her worldwide actions attracted the attention of millions of people, in particular younger generations, and created a huge impact, awakening people in general and world leaders specifically regarding climate issues.
* Her actions also inspired young people to be enterprising and to dare to go against the crowd in order to make a difference for a good cause.
* Disadvantages:
* Greta’s actions were quite adventurous for such a young person and she may have risked her own wellbeing as she received criticism from significant leaders.
* Her actions may have affected her academic/school results.
* A few young people participating in the school strikes may take advantage of these events to join in other activities that were not so positive.

Question 4

Audience: Readers of a community newspaper

Purpose: To evaluate a custom and suggest possible changes

Type of writing: Evaluative

Text type: Newspaper article

Structure:

* the article will include: title/topic, structure, content
* introduction, development of key ideas, and a short conclusion
* uses examples, explanations and some factual information as evidence
* chooses language, structure and sequence to make the ideas clear, so the sequencing of information is logical.

Possible content may include:

* describing the current situation of the ritual paper burning custom for deceased people in some localities of Vietnam today. At temples, cemeteries, and at families during Tet holidays, many people still maintain this tradition and increasingly burn not only paper, but also imitation objects on earth for family members in the underworld, such as houses, cars, horses, clothes, appliances, etc.
* Evaluating the opinions of some people.

Question 5

Audience: Admission team or office in a university

Purpose: To evaluate a course and explain its suitability for the writer’s personality

Type of writing: Evaluative

Text type: A formal email

Language features:

* uses examples, explanations and some factual information as evidence
* chooses language, structure and sequence to make the ideas clear, so the sequencing of information is logical

Possible content may include:

* Students will need to evaluate their selection of a university course and then explain why choosing this particular university course would suit their personality.
* Present the course of their choice
* Evaluate the selected course and present the reasons for their choice.
* Explain why that course would suit their personality.

Question 6

Audience: The self

Purpose: To recount the experience of being followed by a strange creature

Type of writing: Imaginative

Text type: Diary entry

Introduction: Introduce the topic

Body: The events may be sequenced in chronological order

Conclusion: A possible reflection on the experience

Language features: The recount should have something happening in it to make it more interesting and to provide the focus or the high point of the experience.

Possible content may include:

* Setting: describe the excursion, time, place, attendees, how you felt when you were on the excursion.
* What happened along the way that made you fall behind and your efforts to contact your group?
* Describe the strange creature that was following you and what happened to you and that creature.
* Conclude the story with details of what happened at the end to you and the strange creature, how you met your group again.

Question 7

Audience: Readers of a collection of short stories for adolescents

Purpose: To entertain readers

Kind of writing: Imaginative

Text type: Short story

Structure:

* The title
* The story has an opening, developments of events, and a possible ending with a concluding remark. The concluding remark may be about a lesson learned from the story, an expression of emotions, or a general comment about life deriving from the story.
* The events in the story may be in chronological order or begin with a flashback.

Language features:

* The story will be written using mainly past tense. However, other tenses can be used sometimes to relate to the present or the future.
* The story may include some connective words at certain places (e.g. ‘suddenly’, ‘at last’, ‘finally’) to suit the genre of narrative.
* Imaginative writing often has a very strong emphasis on place (setting) and time (plot development) as well as the experiences and, perhaps, the thoughts of the main character(s).

Possible content may include:

* The story must make reference to the young person shown in the picture on the examination paper.
* The story can be told from the main character’s point of view or from the perspective of another character in the story or by a narrator.
* The story should have a strong plot and a sense that the story has a direction and a conclusion.
* Is there any climax in the story? If yes, how is it resolved?

How the story begins, progresses, and ends should be well thought out and written appropriately.